

Bản án số: 52/2023/HS - ST
Ngày 07 - 9 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Bích Nga

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lý Chí Sung

Bà Hoàng Thị Kim Quy

- Thư ký phiên toà: bà Hoàng Thu Hà – Thư ký Toà án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên toà: bà Lê Thị Lệ Hằng, Kiểm sát viên.

Ngày 07/9/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 50/2023/TLST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn L**; Tên gọi khác: Nguyễn Văn L1; sinh năm 1989 tại tỉnh Lai Châu; Nơi cư trú: Bản Co Mùn, xã Lê Lợi, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông Nguyễn Văn Kèo, sinh năm 1958 và bà Lương Thị Thiên (đã chết); Vợ: Không (trước đây chung sống với chị Vàng Thị Tọn, sinh năm 1990, cho đến năm 2009 chấm dứt việc chung sống với chị Vàng Thị Tọn); Con: có 01 con, sinh năm 2008; Bị cáo có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; Tiền sự: Không; Tiền án: 01, tại bản án số 98/2021/HSST ngày 20/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sơn La xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và buộc phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 07/4/2022, bị cáo chấp hành xong án phạt tù và chấp hành xong các quyết định khác của bản án, tính đến thời điểm phạm tội (ngày 20/5/2023) bị cáo chưa được xóa án tích; Nhân thân: Ngày 02/6/2008, Nguyễn Văn L bị Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lai Châu xử phạt 09 tháng tù nhưng cho cho hưởng án treo, thời gian gian tử thách 18 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 28/9/2010, Nguyễn Văn L bị Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lai Châu xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 09 tháng tù về tội “Trốn khỏi nơi giam giữ”, tổng hợp hình phạt cho cả hai tội là 33 tháng tù; Ngày 06/3/2015, Nguyễn Văn L bị Tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù và chấp hành xong các quyết định khác của bản án, nên đã được xóa án tích

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/5/2023 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố L (có mặt).

- Bị hại: Ông Lê Xuân T, sinh năm 1984; nghề nghiệp: Lao động tự do

Địa chỉ: tổ 26, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu “Vắng mặt”.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Mạ Úy P, sinh năm 2000; nghề nghiệp: Dược sỹ; Nơi ĐKHKTT: Bản Ló Na, xã T, huyện M, tỉnh Lai Châu; Nơi ở hiện tại: Tổ 23, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 05 giờ sáng ngày 20/5/2023, Nguyễn Văn L đi nhờ xe mô tô của một người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch từ huyện S đến thành phố L, tỉnh Lai Châu. Khi đi đến phòng khám Bình An, thuộc tổ 26, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu, L quan sát thấy có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát (BKS) 25M1-149.63, số loại Wave α , màu trắng, đen, bạc thuộc quyền quản lý của ông Lê Xuân T, sinh năm 1984, trú tại tổ 26, phường Đ, thành phố L đang để trên vỉa hè trước cửa phòng khám, trên xe có cắm chìa khóa. L đi đến bên xe khách tỉnh Lai Châu, L nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe mô tô nói trên để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân nên L xin xuống xe rồi một mình đi bộ quay lại phòng khám Bình An. Sau khi quan sát, L lén lút tiến đến chiếc xe mô tô BKS: 25M1-149.63 lấy chiếc mũ bảo hiểm màu đỏ treo ở xe đội lên đầu, sau đó nổ máy và điều khiển xe mô tô đi theo hướng huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu tìm nơi tiêu thụ. Trên đường đi, L mở cốp xe mô tô kiểm tra thì thấy bên trong cốp có 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS: 25M1-149.63 mang tên Mạ Úy P, 01 hợp đồng cho vay cầm đồ giữa ông Tứ và bà P, 01 cờ lê bằng kim loại (loại 10-14). L lấy chiếc cờ lê tháo biển kiểm soát của xe mô tô cất giấu vào trong cốp xe rồi tiếp tục điều khiển xe mô tô đi tìm nơi tiêu thụ.

Hồi 09 giờ 00 phút cùng ngày, ông Tứ phát hiện chiếc xe mô tô BKS: 25M1-149.63 ông để trước cửa phòng khám Bình An bị mất trộm nên đã đến Cơ quan Công an trình báo sự việc. Đến 10 giờ 40 phút cùng ngày, khi L đang điều khiển chiếc xe mô tô lấy trộm của ông Tứ đi đến Km365 +700, thuộc địa phận bản Bó Lun, xã Pắc Ta, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu thì bị tổ công tác Công an thành phố L phối hợp với Đội cảnh sát giao thông Công an huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu kiểm tra, phát hiện

Về nguồn gốc chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại Wave α , số khung RLHJA392XNY248868, số máy JA39E2745841, màu sơn trắng đen bạc, BKS 25M1-149.63 là của Mạ Úy P., sinh năm 2000, trú tại Bản Ló Na, xã T, huyện M, tỉnh Lai Châu cầm cố cho ông Tứ để vay tiền.

Tại Cơ quan điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Về các vấn đề khác của vụ án:

- Bị hại ông Lê Xuân T trong quá trình điều tra và trong đơn xin xét xử vắng mặt, ông trình bày: Ông là nhân viên và được chủ hiệu cầm đồ Hoàng Long ủy quyền cho ông ký kết các hợp đồng cầm cố, quản lý các tài sản cầm đồ của hiệu cầm đồ Hoàng Long. Thời gian, địa điểm, đặc điểm chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại Wave α , số khung RLHJA392XNY248868, số máy JA39E2745841, BKS: 25M1-149.63 màu sơn trắng đen bạc do ông ký hợp đồng cầm cố tài sản của bà Mạ Úy P mà ông bị mất trộm đều phù hợp với lời khai của bị cáo, lời khai của bà Mạ Úy P, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Ông đã nhận

lại tài sản bị mất trộm và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường trách nhiệm dân sự. Về trách nhiệm hình sự, ông đề nghị Hội đồng xét xử xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mạ Ủy P vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra bà trình bày: Bà là chủ sở hữu hợp pháp và bà có cầm cố chiếc xe xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại Wave α, số khung RLHJA392XNY248868, số máy JA39E2745841, màu sơn trắng đen bạc BKS 25M1-149.63 cho ông Lê Xuân T tại hiệu cầm đồ Hoàng Long, phường Đ, thành phố L. Bà được biết chiếc xe mô tô bà cầm cố cho ông Tứ bị mất trộm. Đến nay bà đã nhận lại xe máy từ ông Tứ, bà không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 16 /KL-HĐĐGTS ngày 24/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố L kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại Wave α, số khung RLHJA392XNY248868, số máy JA39E2745841, màu sơn trắng đen bạc, tình trạng xe cũ đã qua sử dụng, có giá trị là 18.500.000 đồng; 01 mũ bảo hiểm màu đỏ, trên mũ có dòng chữ HONDA, loại mũ nửa đầu, mũ đã qua sử dụng, có giá trị là 50.000 đồng; 01 chiếc cờ lê bằng kim loại (loại 10-14), đã qua sử dụng có dấu hiệu dử sét, méo mó có giá trị còn lại là 0 đồng. Tổng giá trị các tài sản là 18.550.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 40/CT-VKSTP ngày 04/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L trong phần tranh luận giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội "Trộm cắp tài sản";

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h (tái phạm) khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày 20/5/2023.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: không đề nghị xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về các hành vi tố tụng của các cơ quan tố tụng, các quyết định, cáo trạng, kết luận nêu trên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bị cáo, kính mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và xét xử tại phiên tòa bị cáo và những người

tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Vì mục đích tư lợi cá nhân, lợi dụng sơ hở của ông Lê Xuân T trong việc quản lý tài sản, khoảng 08 giờ 30 phút ngày 20/5/2023, tại khu vực trước cửa phòng khám Bình An, thuộc tổ 26, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu, Nguyễn Văn L đã lén lút lấy trộm 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 25M1 – 149.63, 01 mũ bảo hiểm màu đỏ, 01 chiếc cờ lê bằng kim loại (loại 10-14) của ông Tứ, tổng trị giá các tài sản bị cáo chiếm đoạt của ông Tứ là 18.550.000 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, có tính chất ít nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân nên vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo là người có đủ năng lực pháp luật để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Do đó, hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Điều luật quy định:

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L đã truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Ngày 02/6/2008, Nguyễn Văn L bị Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Lai Châu xử phạt 09 tháng tù nhưng cho cho hưởng án treo, thời gian gian thử thách 18 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 28/9/2010, Nguyễn Văn L bị Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Lai Châu xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 09 tháng tù về tội “Trốn khỏi nơi giam giữ”, tổng hợp hình phạt cho cả hai tội là 33 tháng tù; Ngày 06/3/2015, Nguyễn Văn L bị Toà án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù và chấp hành xong các quyết định khác của bản án, nên đã được xóa án tích.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án, tại bản án số 98/2021/HSST ngày 20/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sơn La xử phạt 12

tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và buộc phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 07/4/2022, bị cáo chấp hành xong án phạt tù và chấp hành xong các quyết định khác của bản án, tính đến thời điểm phạm tội (ngày 20/5/2023) bị cáo chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự. Để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Bản thân bị cáo đã từng bị Tòa án nhân dân xét xử, đã được cải tạo, giáo dục nhưng không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân mà vẫn tiếp tục cố ý phạm tội nên cần có một mức hình phạt phù hợp đủ để bị cáo có thời gian cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có tài sản riêng hơn nữa bị cáo còn phải chấp hành hình phạt tù. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại Wave α , số khung RLHJA392XNY248868, số máy JA39E2745841, màu sơn trắng đen bạc, BKS 25M1-149.63, tình trạng xe cũ đã qua sử dụng; 01 mũ bảo hiểm màu đỏ, trên mũ có dòng chữ HONDA, loại mũ nửa đầu, mũ đã qua sử dụng; 01 chiếc cờ lê bằng kim loại (loại 10-14), đã qua sử dụng có dấu hiệu rỉ sét, méo mó. Toàn bộ vật chứng cơ quan Công an thành phố L đã trả lại cho bị hại vì vậy Hội đồng xét xử xét không xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[7] Đối với đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận.

[8] Các vấn đề khác liên quan:

Đối với người đàn ông cho Nguyễn Văn L đi nhờ xe mô tô từ huyện S đến thành phố L, tỉnh Lai Châu. Quá trình điều tra L khai nhận người này không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo và bị cáo cũng không rõ nhân thân, lai lịch của người này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra, làm rõ.

Đối với việc ông Lê Xuân T cho vay cầm đồ có tính lãi xuất đối với bà Mạ Úy P. Quá trình điều tra xác định hoạt động cho vay, cầm đồ của ông Lê Xuân T là hợp pháp, lãi xuất cho vay đảm bảo theo quy định của pháp luật, không vi phạm pháp luật nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý.

Từ năm 2008 đến nay, bị cáo đã cố ý thực hiện 05 lần phạm tội về cùng một tội “Trộm cắp tài sản”, trong đó có 04 lần đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra xác định bị cáo L là lao động tự do, có thu nhập đảm bảo cuộc sống, không lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống

chính nên không có căn cứ để áp dụng tình tiết “phạm tội có tính chất chuyên nghiệp”.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; các điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L (tên gọi khác Nguyễn Văn L1) phạm tội "Trộm cắp tài sản".

[2] Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L (tên gọi khác Nguyễn Văn L1) 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/5/2023.

[3] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND thành phố L;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Công an thành phố L;
- Chi cục THADS thành phố L;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(*Đã ký tên, đóng dấu*)

Nguyễn Bích Nga